| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÀU BÀNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Huỳnh Kim Xuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Tất;

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1975; địa chỉ: số 70, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: số 70, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Về hôn nhân: chị P đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn T tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 04 tháng 6 năm 2009 (Giấy Chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01). Đến tháng 11 năm 2016, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu bia rồi đập phá tài sản trong nhà và chửi vợ con. Chị P và anh T đã không sống chung từ tháng 4 năm 2017

đến nay, anh T về nhà mẹ cách nhà anh chị (cùng ấp T) để ở, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên về nhà. Nay chị P không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị P yêu cầu ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2004, hiện con chung đang ở với chị P. Chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ chung: chị P không yêu cầu tranh chấp.

*Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.*

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án:* quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 18 tháng 8 năm 2017, Tòa án triệu tập hợp lệ anh T lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2017, anh T vắng mặt không lý do; ngày 06 tháng 9 năm 2017, Tòa án triệu tập hợp lệ anh T lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 22 tháng 9 năm 2017, anh T cũng vắng mặt không lý do. Do anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chung sống đến tháng 11 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu bia rồi đập phá tài sản trong nhà, chửi chị P và đánh con. Chị P và anh T đã không sống chung từ tháng 4 năm 2017 đến nay, anh T thường xuyên sử dụng rượu bia, đập phá đồ đạc trong nhà và chửi vợ con. Chị P và anh T không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Theo Biên bản xác minh ngày 21 tháng 6 năm 2017 do Tòa án lập (bút lục số 24), tình trạng hôn nhân của chị P và anh T phù hợp với lời trình bày của chị P tại Tòa. Chị P và anh T là vợ chồng nhưng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2017 đến nay là vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, chị P không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên chị P khởi kiện

yêu cầu ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, quyết định cho chị P và anh T ly hôn.

Về nuôi con chung: chị P và anh T có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2004, cháu Châu đang sống cùng chị P; chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng; quá trình giải quyết vụ án, cháu Châu cũng có nguyện vọng ở với mẹ.

Xét yêu cầu này của chị P là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của cháu Châu; căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh T có trách nhiệm giao cháu Châu cho chị P trực tiếp nuôi. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị P không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị Kim P

trực tiếp nuôi; chị Nguyễn Thị Kim P không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim P không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002478 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã H, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyến**